TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-02-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vương Thị Thu Lan
2. Ông Trần Như Cường

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lương Xuân Toản – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Minh H, sinh năm 1986
Địa chỉ: Khu M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phí Vũ N, sinh năm 1985
Địa chỉ: Tổ dân phố số 11, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Ngô Thị Minh H trình bầy: Tôi và anh Phí Vũ N kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 14 tháng 02 năm 2012 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không hợp nên từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và chúng tôi sống ly thân nhau từ tháng 01/2014 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh N.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai anh Phí Vũ N trình bầy: Tôi và chị Ngô Thị Minh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 14/02/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 01/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính vợ chồng sống với nhau không hợp, nảy sinh nhiều tranh cãi nên từ đó chúng tôi quyết định sống ly thân với nhau từ tháng 01/2014 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa, cũng không có cách nào để hàn gắn lại với nhau. Chị H xin ly hôn. Tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Phí Ban T là bố đẻ anh N. Ông T đã thông báo và giao cho anh N theo yêu cầu của Tòa án nhưng anh N không có mặt theo thông báo của Tòa án nên Tòa án không thể hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Ngô Thị Minh H được ly hôn anh Phí Vũ N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ngô Thị Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Minh H và anh Phí Vũ N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 14 tháng 02 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2014 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không hợp nên từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và chúng tôi sống ly thân nhau từ tháng 01/2014 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh N. Còn anh N cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 01/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính vợ chồng sống với nhau không hợp, nảy sinh nhiều tranh cãi nên từ đó chúng tôi quyết định sống ly thân với nhau từ tháng 01/2014 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa, cũng không có cách nào để hàn gắn lại với nhau. Chị H xin ly hôn. Anh N đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bản tự khai của các đương sự đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị H và anh N hiện nay đã sống không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Không có

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ngô Thị Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Minh H được ly hôn anh Phí Vũ N.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị Minh H phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0003209 ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND thị trấn M.
- Lưu HS (2)-TQĐ(2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng